TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa

- Thư kY phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là thư kY Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: không tham gia phiên toà

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 870/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1986; nơi cư trú: khóm VC 2, phường VN, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; có mặt.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp LB, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ L trình bày: bà và ông B kết hôn vào năm 2009, hôn nhân là do quen biết, vợ chồng có đăng kY kết hôn theo quy định. Chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hay cự cải, ông B không quan tâm đến vợ con, nhiều lần khuyên ông B thay đổi

tính tình nhưng ông B vẫn không thay đổi. Bà L nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 11/4/2009; Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 11/02/2014, hiện cháu N, cháu Y do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu Y. Không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tờ tự khai ngày 12/2/2020 ông Nguyễn Văn B có nội dung: Bà ông B quen biết rồi cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống, những mâu thuẫn bà L trình bày là đúng. Nay Bà L xin ly hôn ông B đồng Y.

Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 11/4/2009; Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 11/02/2014, hiện cháu N, cháu Y do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu Y ông đồng Y.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Ông Nguyễn Văn B, ông B có nơi cư trú tại ấp LB, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về nội dung

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông B là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của ông thấy rằng do công bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông B không quan tâm đến gia đình mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L xin ly hôn ông B đồng ý do ông B không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nên không lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Bà Trần Thị Mỹ L và Ông Nguyễn Văn B.

[2.2].Về quan hệ con chung: vợ chồng có có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 11/4/2009; Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày

11/02/2014, hiện cháu N, cháu Y do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Do cháu N trên 07 tuổi Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu N và cháu có nguyên vọng sống với bà L. Ông B cũng thống nhất giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, cháu Y. Vì vậy nghĩ nên giao cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3].Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[2.4].Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 273, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2008 ngày 17 tháng 9 năm 2008 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngươn, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang nay là phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lY.

Về quan hệ con chung:

Bà Trần Thị Mỹ L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung con chung tên Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 11/4/2009; Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 11/02/2014.

Bà Trần Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận việc Bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn B xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà L và ông B phải L đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007637 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Vĩnh Ngươn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình